TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST
Ngày: 27-7-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng Vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D-TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Bà Bùi Thị Hải Đường

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Hoa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, *Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Ngọc S, sinh năm 1967; ông Lê Văn T, sinh năm 1968 địa chỉ: số 40 đường 28 B, khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (bà S ông T vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, ông T: anh Diệp Văn C, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 56 đường 21 B, khu phố H, Phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo giấy ủy quyền ngày 27/11/2017 (anh C mặt)

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1976; chị Hồ Ngọc E (Hồ Thị A), sinh năm: 1982; cùng địa chỉ: số 1, Tổ 4, ấp P 1, xã K, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (chị E (A) anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2017 của ông Lê Văn T, bà Dương Thị Ngọc S và quá trình giải quyết vụ án; người đại diện của ông bà là anh Diệp Văn C trình bày:

Ngày 29/5/2016 âm lịch (ngày 22/6/2016 dương lịch) anh P, chị E có vay của ông T, bà S số tiền 182.600.000 đồng, mục đích vay tiền để buôn bán, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, khi vay có làm giấy mượn tiền do chị E viết và ký tên, tên "Hồ Thị A" trong giấy mượn tiền là tên gọi khác của chị E. Khi vay tiền anh P có biết, giao nhận tiền tại nhà bà S, chị E trực tiếp nhận tiền, anh P không nhận tiền. Từ ngày vay đến nay chị E anh P không trả tiền gốc và tiền lãi. Nay

bà S ông T yêu cầu chị E, anh P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 182.600.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.75% từ ngày vay 29/5/2016 âm lịch (ngày 22/6/2016 DL) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị Hồ Ngọc E (Hồ Thị A) trình bày: Chị có tên gọi khác là Hồ Thị A. Trước đây chị có vay tiền góp của bà S ông T gồm 3 phần: 1 phần 100.000.000 đồng, 02 phần 50.000.000 đồng, góp mỗi ngày 4.400.000 đồng, góp 50 ngày thì xong. Chị trả tiền góp cho bà S, ông T được nhiều lần số tiền bao nhiêu chị không nhớ nên chị không yêu cầu tính lại tiền lãi. Đến ngày 29/5/2016 chị không có khả năng góp được nên bà S, ông T tính lại tiền chị đã chốt nợ còn nợ ông bà số tiền 182.600.000 đồng, khi chốt nợ chị có viết giấy mượn tiền cho chị viết và ký tên. Sau khi được xem giấy mượn tiền ngày 29/5/2016 chị xác nhận chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền trên là chữ viết, chữ ký của chị. Mục đích vay tiền của bà S, ông T là để mua bán thịt trâu, thịt bò, do buôn bán thua lỗ nên chưa có tiền trả cho bà S, ông T. Khi vay tiền chồng chị Nguyễn Thành P không biết, sau này khi chị vỡ nợ thì chồng chị mới biết.

Nay bà S, ông T yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền vay gốc 182.600.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.75% từ ngày vay 29/5/2016 âm lịch (ngày 22/6/2016 DL) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm thì chị đồng ý trả cho bà S, ông T số tiền 182.600.000 đồng, chị xin không trả tiền lãi do hoàn cảnh khó khăn và trước đây chị đã trả tiền lãi cho bà S ông T nhiều lần. Chị yêu cầu một mình chị trả số tiền trên, không yêu cầu anh P cùng có trách nhiệm với chị trả số tiền trên cho bà S ông T.

Tòa án có tống đạt các thủ tục tố tụng của vụ án cho anh P, chị đã nhận thay và giao đầy đủ cho anh P nhưng anh P vắng mặt không có lý do.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa, anh P, chị E (A) vắng mặt, Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ vắng mặt.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Ngọc S, ông Lê Văn T về hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Hồ Ngọc E (Hồ Thị A), anh Nguyễn Thanh P trả cho bà S, ông T số tiền gốc 182.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thành P, chị Hồ Ngọc E (Hồ Thị A) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 173; 177 Bộ

luật tố tụng Dân sự 2015. Do đó, áp dụng Điều 228, 239 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh P, chị E (A).

[2] Về nội dung: Bà S ông T yêu cầu chị E, anh P trả số tiền 182.600.000 đồng (một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm ngàn). Xét yêu cầu khởi kiện của bà S ông T thấy rằng: chị E có vay số tiền 182.600.000 đồng của bà S, ông T, có viết giấy nợ, không hẹn thời gian trả là có thật. Chứng cứ do bà S ông T cung cấp: "giấy mượn tiền" ngày 29/5/2016 Âm lịch là do chị E viết và ký tên, khi vay chị E ghi tên Hồ Thị A (tên thường gọi của chị E), được chị E thừa nhận. Do đó, có cơ sở xác định giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản, không kỳ hạn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chị E thừa nhận số tiền vay, đồng ý trả tiền gốc, xin không trả tiền lãi. Anh P vắng mặt, tuy nhiên có nộp bản tự khai (bút lục 28a) thể hiện việc anh và chị E có nợ số tiền 182.6000.000 đồng nhưng xin trả dần vì làm ăn thua lỗ, theo lời chị E trình bày đây là bản tự khai của anh P nhờ người việt hộ, chữ ký trong bản tự khai là của anh P. Tòa án không làm việc được với anh P, anh P vắng mặt và không cung cấp chứng cứ khác cho Tòa án. Tuy nhiên, chị E cho rằng chị vay số tiền của bà S ông T là để kinh doanh mua bán thịt bò, anh P và chị sinh sống bằng nghề mua bán thịt bò nhiều năm, đây là nguồn sống chính của gia đình, tại thời điểm vay cũng như hiện tại anh P và chị E (A) vẫn là vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định đây là nợ chung của chị E (A) và anh P trong thời kỳ hôn nhân. Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc anh P, chị E (A) có nghĩa vụ trả cho bà S ông T số tiền 182.600.000 đồng

[4] Bà S ông T yêu cầu tính tiền lãi. Xét yêu cầu của bà S ông T thấy rằng: Trong giấy mượn tiền (theo bản tự khai của anh C đại diện cho bà S, ông T ghi ngày 29/5/2016 âm lịch, nhưng đối chiếu theo lịch năm 2016 thì ngày 29/5/2016 âm lịch nhằm ngày 03/7/2017 dương lịch), không thể hiện ghi lãi suất nhưng bà S ông T cho rằng khi cho vay lãi suất 1%/tháng, chị E lại cho rằng số tiền vay 182.600.000 đồng là tiền góp, do chị không góp đúng hạn nên cộng tiền gốc và tiền lãi thành 182.600.000 đồng, nhưng chị không chứng minh được trong tổng số tiền vay bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi và cũng không cung cấp được chứng cứ cho rằng đây là tiền góp. Do đó, cần tính lãi suất cơ bản như sau: Lãi suất từ ngày vay 03/7/2016 Dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là 24 tháng 24 ngày: 182.600.000đ x 0.75% x 24 tháng 24 ngày =33.963.600 (ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm) đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 182.600.000đ + 33.963.600đ =216.563.600 (hai trăm mười sáu triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm) đồng.

[5] Từ những phân tích trên, cần buộc chị E (A), anh P trả cho bà S ông T tổng số tiền gốc và tiền lãi là 216.563.600 (hai trăm mười sáu triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm) đồng (trong đó: tiền gốc 182.600.000đ + tiền lãi 33.963.600đ) là có cơ sở.

[6] Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội. Chị E (A) anh P phải chịu án phí là 10.828.180 (mười triệu tám trăm hai mươi tám ngàn một trăm tám mươi) đồng. Bà S ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227; 239 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc S, ông Lê Văn T về "Hợp đồng vay tài sản".

1.1 Buộc chị Hồ Ngọc E (Hồ Thị A) anh Nguyễn Thành P có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Ngọc S ông Lê Văn T số tiền 216.563.600 (hai trăm mười sáu triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm) đồng (trong đó: tiền gốc 182.600.000đ + tiền lãi 33.963.600đ).

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Hồ Ngọc E (Hồ Thị A) anh Nguyễn Thành P phải chịu 10.828.180 (mười triệu tám trăm hai mươi tám ngàn một trăm tám mươi) đồng.

+ Bà Dương Thị Ngọc S ông Lê Văn T không phải chịu tiền án phí. Chi Cục Thi hành án Dân sự Huyện D hoàn trả cho bà S ông T số tiền án phí đã tạm nộp 4.656.000 (bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai thu số 0010084 ngày 05 tháng 01 năm 2018.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà S ông T có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Chị E (A), anh P vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Nga